

BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ THÁNG 8/2026

ỔN ĐỊNH VĨ MÔ, GIỮ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH
Phòng Vĩ mô và Chiến lược Thị trường
phantich@vdsc.com.vn

www.vdsc.com.vn



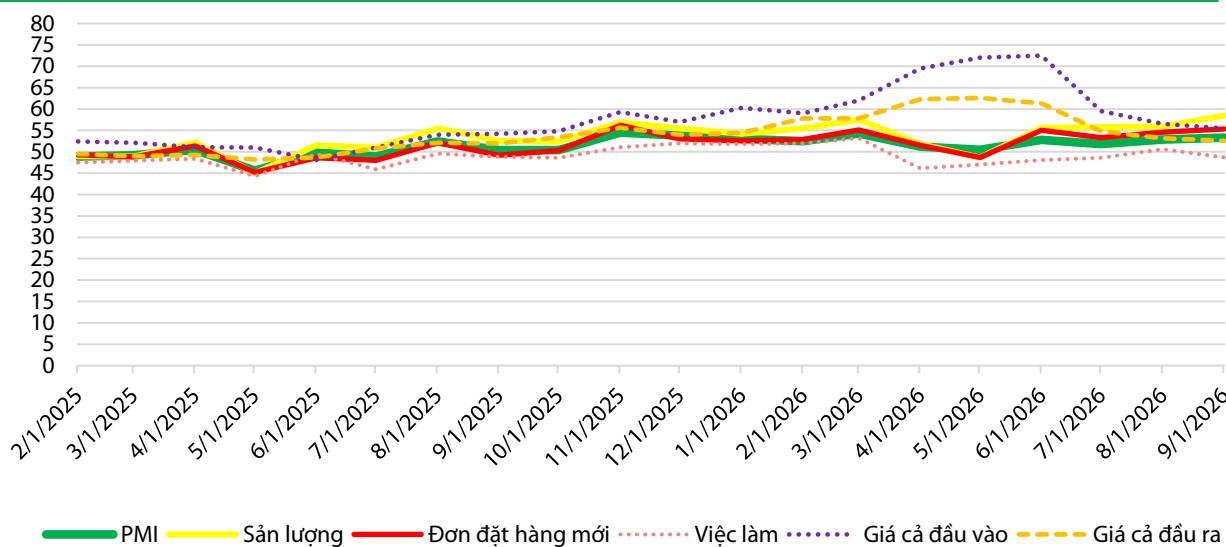
- Qua 8 tháng của năm 2026, nền tảng kinh tế vĩ mô trong nước vẫn ổn định và tăng trưởng dù bối cảnh vĩ mô quốc tế diễn biến phức tạp, khó lường. Sản xuất công nghiệp IIP tháng 8/2026 tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2025, đưa mức tăng lũy kế 8 tháng lên 11,9% so với cùng kỳ - cao nhất trong giai đoạn 2019-2026. Sản xuất công nghiệp Việt Nam đang trải qua một trong những giai đoạn tăng trưởng mạnh nhất nhiều năm qua. Đứng sau đó là ba dòng chảy cùng lúc: vốn ngoại, đơn hàng thực và thị trường xuất khẩu.
- Động lực chính từ công nghiệp chế biến, chế tạo: duy trì đà tăng trưởng dương và chiếm phần lớn tỷ trọng đóng góp vào mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp trong năm 2026. Điều này phù hợp với xu hướng vốn FDI đăng ký mới đang tập trung vào lĩnh vực này. Công suất mở rộng và đầu ra được đảm bảo: Mức PMI đạt 53,3 điểm (tháng thứ 14 liên tiếp trên ngưỡng 50), xác nhận xu hướng mở rộng của các doanh nghiệp sản xuất. Sản lượng tăng thêm này đang được hấp thụ khá tốt bởi thị trường quốc tế, phản ánh qua kỷ lục kim ngạch xuất nhập khẩu 8 tháng đầu năm đạt 770,14 tỷ USD (tăng 28,7%).
- Nhập siêu tháng 8 giảm 97% so với tháng 7, co hẹp còn 113 triệu USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 109,7 tỷ USD, gần như đi ngang so với tháng 7 (-0,1%) nhưng tăng 31,7% so với cùng kỳ — vẫn nằm trong nhịp mở rộng đã kéo dài từ cuối 2025. Sự sụt giảm kim ngạch nhập khẩu nhiều khả năng chỉ là đợt điều chỉnh theo chu kỳ sản xuất thông thường khi các doanh nghiệp đã hoàn tất giai đoạn đầu tư lượng lớn nguyên vật liệu cũng như máy móc – thiết bị. Dù vậy, chúng ta vẫn cần theo dõi thêm các số liệu vĩ mô các tháng tiếp theo để có cơ sở đánh giá chính xác nhất xu hướng.
- Bên cạnh đó, vốn FDI thực hiện tại Việt Nam trong tám tháng ước đạt 17,25 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2025. Đây là con số giải ngân cao nhất của kỳ tám tháng trong suốt 5 năm qua. Trong số 17,25 tỷ USD đã được đưa vào nền kinh tế, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vị thế tuyệt đối với 14,24 tỷ USD (chiếm 82,6%), bỏ xa lĩnh vực đứng thứ hai là kinh doanh bất động sản (1,29 tỷ USD, chiếm 7,5%) và năng lượng (622,9 triệu USD, chiếm 3,6%).
- Điểm sáng vĩ mô tiếp theo cần được ghi nhận là nỗ lực giải ngân đầu tư công 8 tháng đạt 49,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, tương ứng 509 nghìn tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2025, tỷ lệ giải ngân tăng 3,5 điểm phần trăm, tương ứng số vốn giải ngân tăng hơn 100.383 tỷ đồng. Đáng chú ý, tốc độ giải ngân trong tháng 8 bằng khoảng 1,23 lần tháng 7. Áp lực giải ngân đầu tư công cho 4 tháng còn lại của năm 2026 vẫn rất lớn, tuy nhiên kỳ vọng về một tỷ lệ giải ngân đầu tư công cao hơn năm 2025 là hoàn toàn có cơ sở.
- Bên cạnh đó, kinh tế vĩ mô vẫn có những điểm cần lưu ý đó là yếu tố lạm phát. Sau hai tháng liên tiếp giảm (tháng 6, 7), CPI tháng 8/2026 tăng 0,47% so với tháng trước, đưa mức CPI bình quân 8 tháng tăng 4,45% so với cùng kỳ. Nếu so với mức kiểm soát lạm phát 4,5% (hoặc được điều chỉnh lên 5%) thì dư địa lạm phát cho 4 tháng còn lại năm 2026 là khá “mỏng”. Trong bối cảnh, diễn biến giá dầu và chi phí vận tải tiếp tục khó dự báo. Xung đột tại Trung Đông có thể đẩy giá năng lượng, vận tải và nguyên vật liệu tăng cao, qua đó làm gia tăng nguy cơ lạm phát nhập khẩu. Khi chi phí nhiên liệu và logistics tăng, sức ép có thể lan sang chi phí sản xuất, lưu thông và giá bán hàng hóa trong nước.
- Yếu tố lạm phát thể hiện rõ khả năng chi phối đến tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (8 tháng tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước), nếu loại trừ yếu tố giá, mức tăng chỉ đạt 7,6%, tương đương mức tăng 7,5% của cùng kỳ năm 2025. Nhìn chung sức cầu thực của nền kinh tế vẫn chưa cải thiện rõ rệt.
- Trong 8 tháng đầu năm, tiến độ thu cao hơn tiến độ chi giúp ngân sách duy trì trạng thái thặng dư khoảng 415 nghìn tỷ đồng. Trong bối cảnh các chính sách giảm thu tiếp tục được duy trì nhằm hỗ trợ tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô, áp lực cân đối thu - chi trong trung hạn sẽ gia tăng. Điều này đòi hỏi chính sách tài khóa không chỉ linh hoạt trong ngắn hạn, mà còn cần hướng tới củng cố nền tảng thu bền vững, mở rộng cơ sở thu, đảm bảo dư địa ứng phó với các cú sốc trong tương lai.
- Cuối cùng, sự phân hóa vĩ mô quốc tế là yếu tố cần được theo dõi sát sao. Trung Quốc vẫn đang suy yếu về sức cầu, Mỹ đang thể hiện khả năng chống chịu mạnh mẽ và một châu Âu vẫn đang bị lạm phát dai dẳng, tổng hòa những yếu tố này có thể khiến môi trường vĩ mô phức tạp và dẫn đến những biến động khó lường của thị trường tài chính toàn cầu.

Tăng trưởng chỉ số sản xuất một số ngành công nghiệp chính

% so với cùng kỳ	03/26	04/26	05/26	06/26	07/26	08/26
Chế biến thực phẩm	12,5	10,6	9,8	11,9	13,0	13,3
Đồ uống	12,6	15,6	12,8	16,6	20,3	19,7
Dệt may	6,4	12,8	9,5	13,0	10,1	10,0
Da giày	4,0	2,3	3,4	5,8	4,5	4,8
Chế biến gỗ	(1,6)	7,1	18,8	18,7	16,4	13,4
Hoá chất	21,8	24,8	8,4	4,0	4,0	6,6
Thuốc, dược liệu	(9,3)	7,1	23,2	29,6	19,4	16,2
Cao su, plastic	5,6	12,1	15,0	15,3	14,2	14,7
Sản xuất kim loại	8,7	14,8	21,3	27,3	29,4	22,5
Hàng điện tử	14,2	11,9	17,8	14,9	10,0	(0,4)
Sản xuất xe có động cơ	12,5	23,6	21,9	20,5	14,9	15,6
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	7,3	11,5	12,8	9,0	11,6	11,5
Sản xuất và phân phối điện	4,6	10,9	8,5	16,6	12,5	11,8
Chỉ số chung	7,2	9,9	8,8	12,7	14,5	14,4

Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

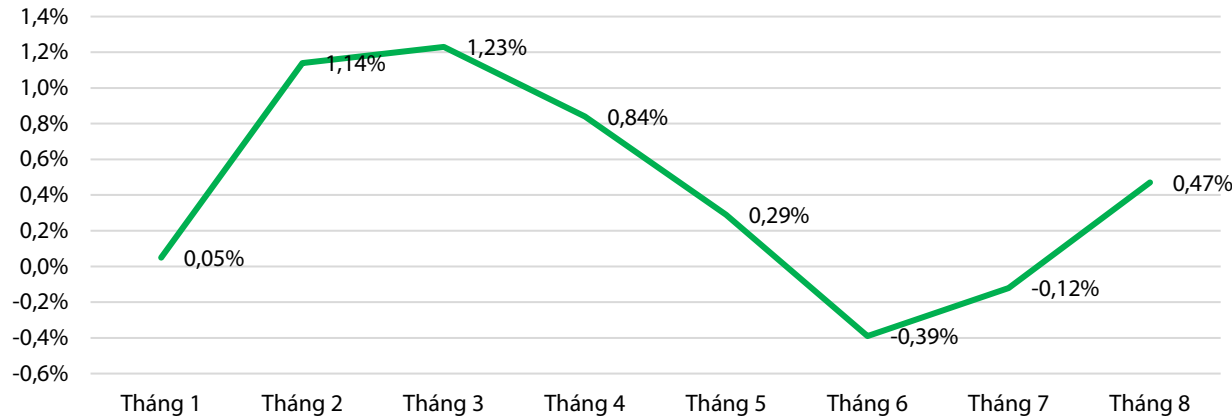
Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Việt Nam



Nguồn: S&P Global, CTCK Rồng Việt

- Sản xuất công nghiệp IIP tháng 8/2026 tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2025, đưa mức tăng lũy kế 8 tháng lên 11,9% so với cùng kỳ — cao nhất trong giai đoạn 2019-2026. Sản xuất công nghiệp Việt Nam đang trải qua một trong những giai đoạn tăng trưởng mạnh nhất nhiều năm qua. Đứng sau đó là ba dòng chảy cùng lúc: vốn ngoại, đơn hàng thực và thị trường xuất khẩu.
- Động lực chính từ công nghiệp chế biến, chế tạo: liên tục duy trì đà tăng trưởng dương mạnh mẽ và chiếm phần lớn tỷ trọng đóng góp vào mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp trong năm 2026. Điều này phù hợp với xu hướng vốn FDI đăng ký mới đang tập trung vào lĩnh vực này.
- Công suất mở rộng và Đầu ra được đảm bảo: PMI đạt 53,3 điểm (tháng thứ 14 liên tiếp trên ngưỡng 50) xác nhận các doanh nghiệp đang gia tăng công suất. Sản lượng tăng thêm này cũng được phản ánh qua kỷ lục kim ngạch xuất nhập khẩu 8 tháng đầu năm đạt 770,14 tỷ USD (tăng 28,7%).
- Giá dầu tăng tiếp tục đẩy chi phí các sản phẩm phái sinh như nhiên liệu, nhựa và chi phí vận chuyển tăng. Tuy nhiên, tốc độ tăng chi phí đầu vào đã chậm lại thành mức thấp của 11 tháng. Giá bán hàng cũng tăng chậm hơn, và tốc độ tăng đã giảm trong bốn tháng liên tiếp.

Tốc độ tăng/giảm CPI tổng thể qua các tháng năm 2026 so với tháng trước



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

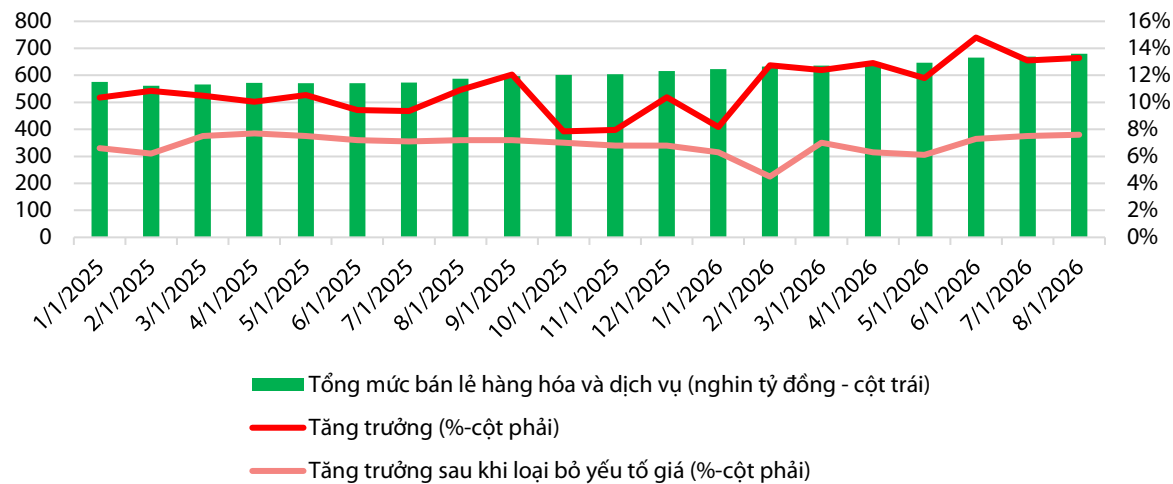
Chỉ số CPI của các nhóm hàng trong tháng 8/2026



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

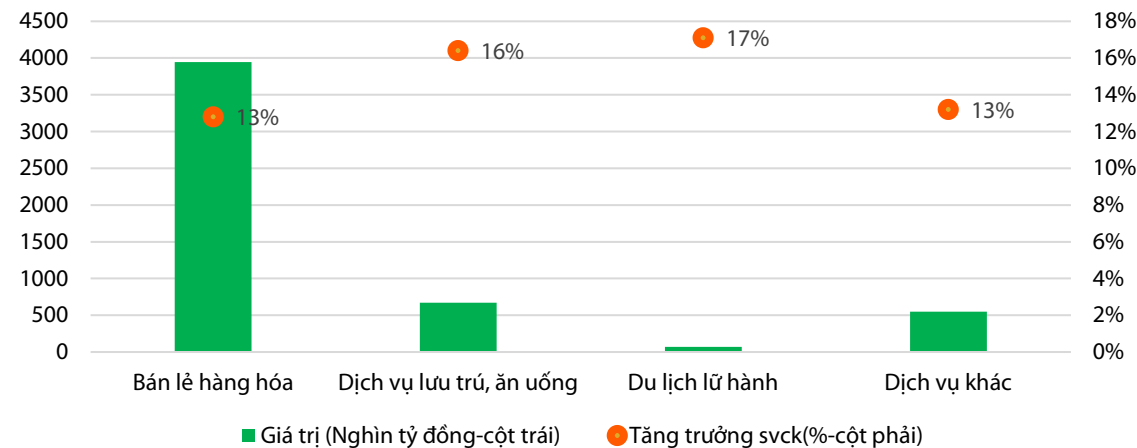
- Sau hai tháng liên tiếp giảm (tháng 6, 7), CPI tháng 8/2026 tăng 0,47% so với tháng trước, đưa mức tăng so với cùng kỳ lên 4,89%, sau giai đoạn đi ngang quanh 3,5–4%. Bình quân 8 tháng, CPI tăng 4,45% so với cùng kỳ; lạm phát cơ bản tăng 4,24%.
- Giao thông - nhân tố dẫn dắt chính: giá tăng 4,09% so với tháng trước, đóng góp 0,41 điểm phần trăm vào mức tăng chung — mức đóng góp lớn nhất trong 11 nhóm hàng. Động lực đến từ giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng theo giá nhiên liệu thế giới cộng thêm dịch vụ bảo dưỡng phương tiện. Nhà ở và vật liệu xây dựng: vẫn là nhóm neo ở mức cao nhất trong nhóm theo dõi phần lớn thời gian của 8 tháng năm 2026. Giáo dục: xếp sau giao thông về mức tăng MoM, đạt +0,47% - trùng đúng mùa tựu trường. Nguyên nhân chính là một số trường đại học, trung học dân lập và mầm non tư thục tại một số địa phương điều chỉnh học phí cho năm học 2026-2027, cộng thêm chi phí mua sắm đồ dùng học tập tăng theo nhu cầu chuẩn bị năm học mới. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: duy nhất giảm giá trong tháng, YoY vẫn giữ mức ổn định 4,67%.
- Diễn biến tháng 8 cho thấy CPI tăng trở lại chủ yếu do cú sốc chi phí từ nhóm giao thông — mang tính chi phí đẩy (giá nhiên liệu thế giới) — trong khi nhóm nhà ở tiếp tục là áp lực nền dai dẳng.
- Tuy vậy, nếu so với mức kiểm soát lạm phát 4,5% (hoặc được điều chỉnh lên 5%) thì dư địa lạm phát cho 4 tháng còn lại năm 2026 là khá “mỏng”. Trên thị trường quốc tế, diễn biến giá dầu và chi phí vận tải tiếp tục khó dự báo. Xung đột tại Trung Đông có thể đẩy giá năng lượng, vận tải và nguyên vật liệu tăng cao, qua đó làm gia tăng nguy cơ lạm phát nhập khẩu. Khi chi phí nhiên liệu và logistics tăng, sức ép có thể lan sang chi phí sản xuất, lưu thông và giá bán hàng hóa trong nước.
- Trong nước, việc đẩy mạnh đầu tư công, triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm và nhu cầu xây dựng tăng vào cuối năm được dự báo kéo theo nhu cầu lớn hơn đối với vật liệu xây dựng, máy móc và nguyên vật liệu đầu vào. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng thường tăng trong những tháng cuối năm cũng có thể tạo thêm sức ép lên chỉ số giá tiêu dùng. Ngược lại, áp lực lạm phát được giảm bớt nhờ các chính sách giảm thuế, phí, lệ phí; điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước cơ bản ổn định.

Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hoá và dịch vụ (svck)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

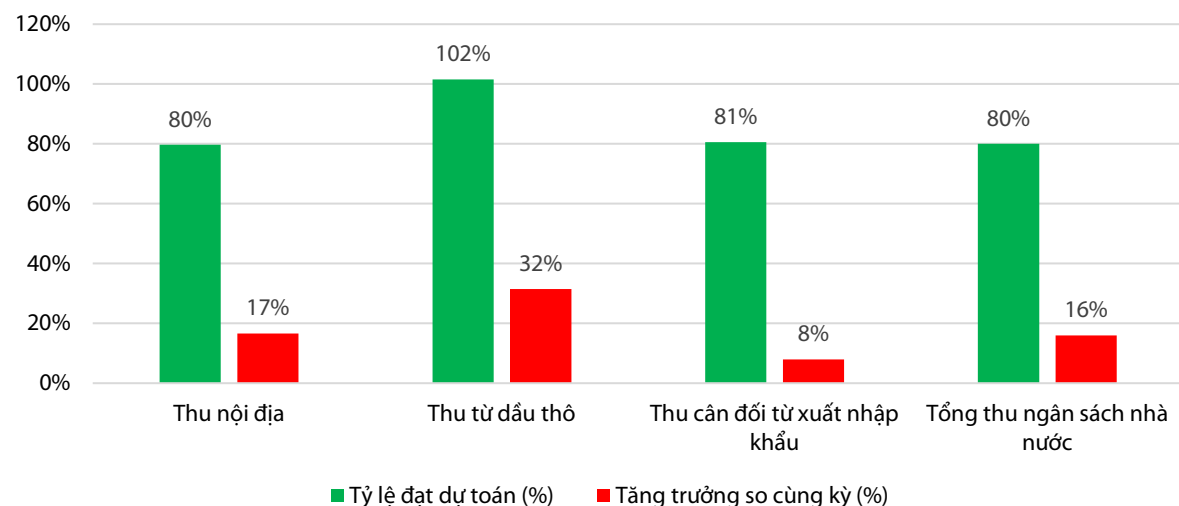
Cơ cấu theo nhóm ngành và tăng trưởng so với cùng kỳ



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

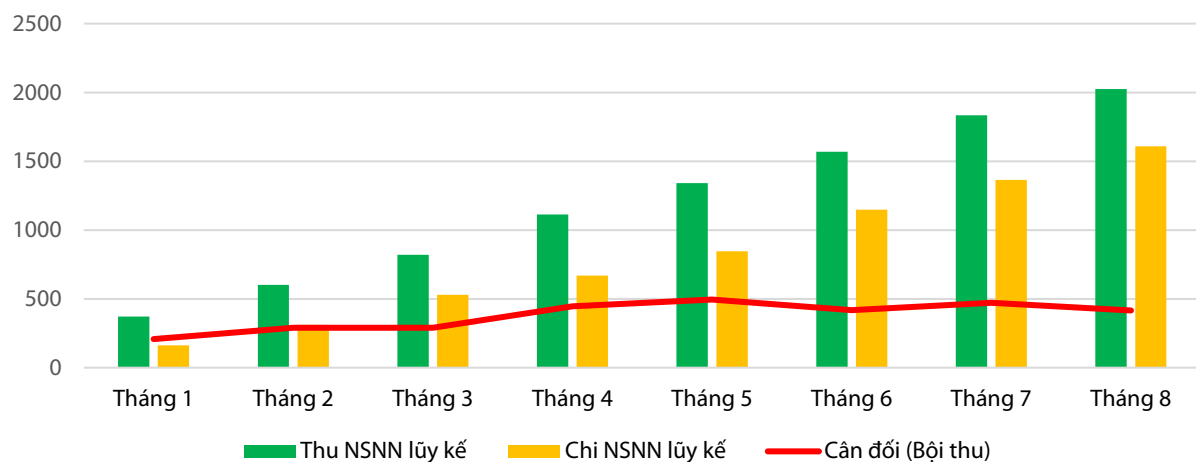
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8/2026 ước đạt 679,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 5.235,5 nghìn tỷ đồng, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá, mức tăng đạt 7,6%, tương đương mức tăng 7,5% của cùng kỳ năm 2025.
- Một số nhóm hàng ghi nhận mức tăng cao như đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 28,1%; hàng hóa khác tăng 19,2%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 16,5%; nhiên liệu khác tăng 16,4%; xăng dầu các loại tăng 15,2%. Doanh thu du lịch lữ hành đạt khoảng 68,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,3% tổng mức và tăng 17,1%. Doanh thu các dịch vụ khác ước đạt 548,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,5% tổng mức và tăng 13,2%.
- Diễn biến trên cho thấy sức mua trong nước tiếp tục duy trì đà tăng, trong đó bán lẻ hàng hóa giữ vai trò chủ lực, còn các lĩnh vực lưu trú, ăn uống và du lịch tiếp tục là những điểm sáng của khu vực dịch vụ trong 8 tháng năm 2026.
- Tuy nhiên, sự tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ hiện tại bị chi phối bởi yếu tố lạm phát. Trong bối cảnh lạm phát còn nhiều diễn biến phức tạp thì sức cầu thực tuy có cải thiện qua từng tháng nhưng chưa tạo ra sự cải thiện rõ rệt.

Tỷ lệ hoàn thành dự toán và tăng trưởng thu NSNN 8 tháng



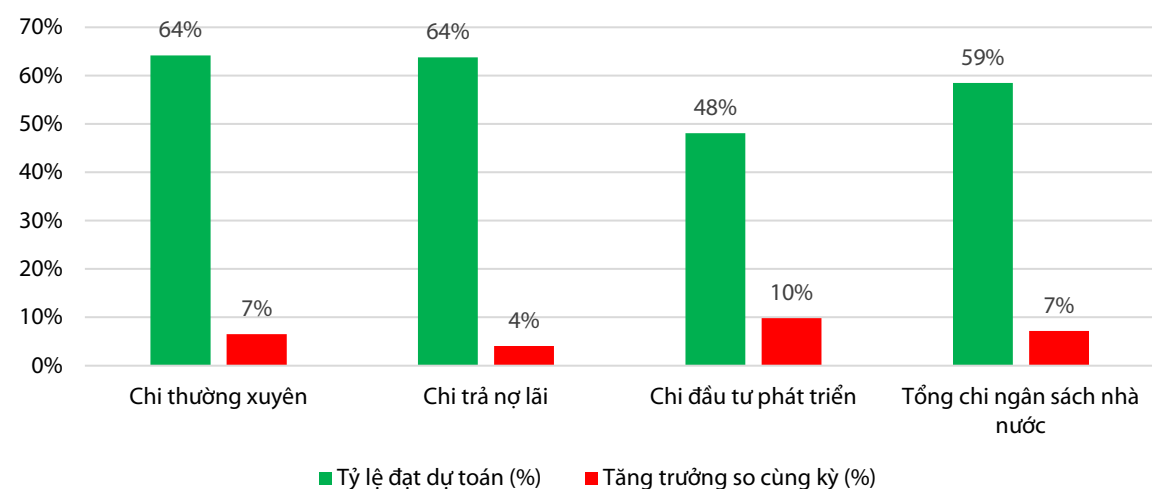
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Diễn biến cân đối thu chi ngân sách qua các tháng của năm 2026 (nghìn tỷ đồng)



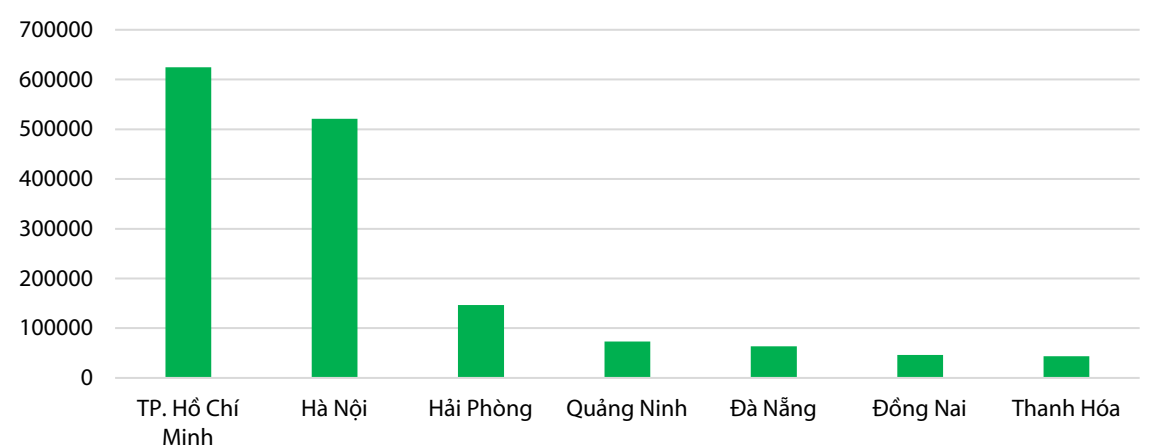
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Tỷ lệ hoàn thành dự toán và tăng trưởng chi NSNN 8 tháng



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

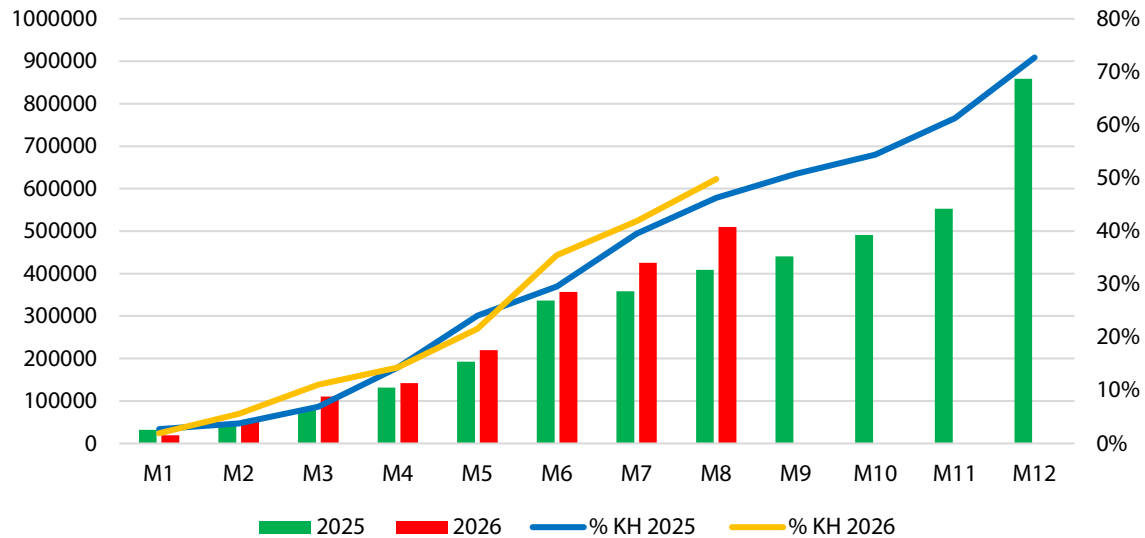
Một số địa phương thu ngân sách cao (tỷ đồng)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

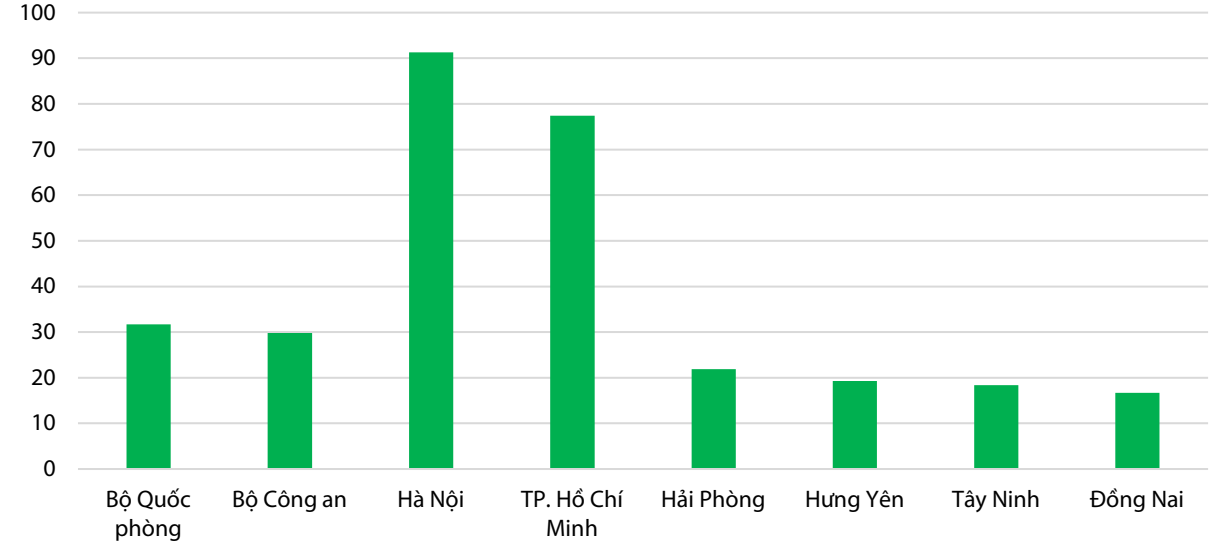
- Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 8 ước đạt 150,4 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước 8 tháng năm 2026 ước đạt 2.023,8 nghìn tỷ đồng, bằng 80% dự toán năm và tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa tháng 8 ước đạt 130,3 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 8 tháng năm 2026 ước đạt 1.752,9 nghìn tỷ đồng, bằng 79,7% dự toán năm, chiếm 86,6% tổng thu ngân sách Nhà nước và tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Tuy nhiên, thu nội địa lớn **không đồng nghĩa toàn bộ nguồn thu này đều có chất lượng và mức độ bền vững như nhau**. Vấn đề cần nhìn sâu hơn là cơ cấu bên trong nguồn thu nội địa, trong đó đâu là khoản thu hình thành từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thường xuyên và đâu là những khoản phụ thuộc vào diễn biến thị trường tài sản, khai thác nguồn lực hoặc phát sinh không thường xuyên. Dù vậy, cơ cấu thu nội địa vẫn còn một khoản thu có quy mô lớn đến từ nhà, đất. Dự toán năm 2026 bố trí thu từ nhà, đất ở mức 550.778 tỷ đồng, tương đương 25,04% dự toán tổng thu nội địa, đứng thứ hai trong cơ cấu nguồn thu.
- Tính chất của khoản thu này khác với nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thường xuyên bởi chịu ảnh hưởng đáng kể từ diễn biến thị trường bất động sản và các khoản thu phát sinh từ quá trình khai thác nguồn lực đất đai. Nguồn thu tăng một phần đến từ quá trình đưa thêm quỹ đất vào phát triển các dự án, qua đó phát sinh các khoản thu cho ngân sách. Nhưng không thể năm nào cũng có một lượng quỹ đất mới tương đương để tạo ra khoản thu tương ứng. Khi những khu đất có khả năng khai thác lớn đã được đưa vào dự án, nguồn thu từ yếu tố này sẽ giảm hoặc thay đổi về quy mô.
- Các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí được triển khai đồng bộ nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, qua đó thúc đẩy phục hồi sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tác động hai mặt của chính sách tài khóa hỗ trợ cũng dần bộc lộ rõ. Trong ngắn hạn, việc giảm nghĩa vụ thuế giúp doanh nghiệp “dễ thở” hơn, nhưng đồng thời làm thu hẹp nguồn thu ngân sách.
- Áp lực không chỉ đến từ nội tại nền kinh tế mà còn từ các yếu tố bên ngoài. Căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông đang làm gia tăng biến động giá năng lượng, kéo theo chi phí sản xuất tăng và ảnh hưởng gián tiếp đến nguồn thu ngân sách. Việc tiếp tục giảm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường và các loại phí là cần thiết để hỗ trợ nền kinh tế, nhưng đồng nghĩa với việc ngân sách phải chấp nhận “đánh đổi” trong ngắn hạn.
- **Đặc biệt, mốc thời gian sau ngày 30/9 được xem là giai đoạn “bản lề” khi nhiều chính sách ưu đãi có thể cần gia hạn** nếu điều kiện thị trường chưa cải thiện. Nếu kịch bản giá dầu duy trì ở mức cao, áp lực chi phí sẽ tiếp tục đè nặng lên doanh nghiệp, kéo theo yêu cầu duy trì các biện pháp hỗ trợ cũng làm gia tăng sức ép lên cân đối ngân sách.
- Trong 8 tháng đầu năm, tiến độ thu cao hơn tiến độ chi giúp ngân sách duy trì trạng thái thặng dư khoảng 415 nghìn tỷ đồng. Trong bối cảnh các chính sách giảm thu tiếp tục được duy trì nhằm hỗ trợ tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô, áp lực cân đối thu - chi trong trung hạn sẽ gia tăng. Điều này đòi hỏi chính sách tài khóa không chỉ linh hoạt trong ngắn hạn, mà còn cần hướng tới củng cố nền tảng thu bền vững, mở rộng cơ sở thu, đảm bảo dư địa ứng phó với các cú sốc trong tương lai.
- Bên cạnh đó, sự phối hợp chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ (thể hiện ở khía cạnh như Tiền gửi Kho bạc) là rất quan trọng để đảm bảo ổn định vĩ mô, thanh khoản hệ thống ngân hàng.

Quy mô giải ngân vốn đầu tư công lũy kế theo tháng (tỷ đồng)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Giải ngân vốn đầu tư công tại một số địa phương và Bộ/Ngành (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

- Đến hết tháng 8, các bộ, ngành, địa phương đã giải ngân 509.557,5 tỷ đồng vốn đầu tư công năm 2026, đạt 49,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. So với cùng kỳ năm 2025, tỷ lệ giải ngân tăng 3,5 điểm phần trăm, tương ứng số vốn giải ngân tăng hơn 100.383 tỷ đồng. Đáng chú ý, tốc độ giải ngân trong tháng 8 bằng khoảng 1,23 lần tháng 7.
- Điểm nghẽn của giải ngân đầu tư công hiện nay vẫn là công tác giải phóng mặt bằng tại một số nơi còn vướng xác định giá đất, nguồn gốc và tính pháp lý của đất, phương án bồi thường, tái định cư, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật. Nếu những điểm nghẽn này không được xử lý kịp thời, vốn sẽ tiếp tục nằm trong kế hoạch nhưng không chuyển hóa thành khối lượng đầu tư thực tế. Khi đó, áp lực giải ngân sẽ dồn vào những tháng cuối năm, trong khi thời gian để hoàn thiện thủ tục, tổ chức thi công, nghiệm thu và thanh toán ngày càng ngắn.
- Kỳ vọng giải ngân đầu tư công năm 2026 cao hơn năm 2025 là hoàn toàn có cơ sở, tuy nhiên nguồn lực này cần được chuyển hóa nhanh hơn nữa. Việc chuyển hoá nguồn lực đầu tư công không chỉ hỗ trợ cho tăng trưởng mà còn góp phần hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng. Đồng thời việc giải quyết các điểm nghẽn như vật liệu, giải phóng mặt bằng còn là tiền đề quan trọng cho giải ngân đầu tư công năm 2027 đạt hiệu quả cao hơn.

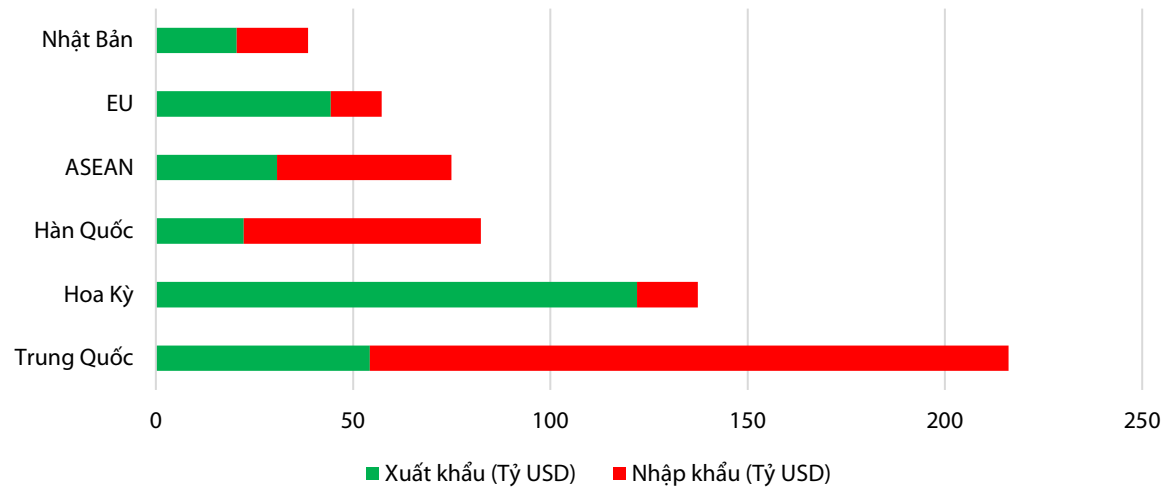
- Xuất khẩu hàng hóa tháng 8/2026 đạt 54.795 triệu USD, tăng 3,2% so với tháng 7 và tăng 26% so với cùng kỳ 2025. Nhập khẩu đạt 54.908 triệu USD, tăng 37,9% so với cùng kỳ — vẫn là tốc độ tăng vượt trội so với xuất khẩu.
- Nhập siêu tháng 8 giảm 97% so với tháng 7, co hẹp còn 113 triệu USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 109,7 tỷ USD, gần như đi ngang so với tháng 7 (-0,1%) nhưng tăng 31,7% so với cùng kỳ — vẫn nằm trong nhịp mở rộng đã kéo dài từ cuối 2025.
- Điểm đáng chú ý nhất của tháng 8 không nằm ở hai con số này, mà ở khoảng cách giữa chúng: cán cân thương mại chỉ còn nhập siêu 120 triệu USD, so với mức nhập siêu 3.573 triệu USD của tháng 7 — thu hẹp gần 97% chỉ trong một tháng. Sự sụt giảm kim ngạch nhập khẩu nhiều khả năng chỉ là đợt điều chỉnh theo chu kỳ sản xuất thông thường khi các doanh nghiệp đã hoàn tất giai đoạn đầu tư lượng lớn nguyên vật liệu cũng như máy móc – thiết bị. Dù vậy, chúng ta vẫn cần theo dõi thêm các số liệu vĩ mô các tháng tiếp theo để có cơ sở đánh giá chính xác nhất xu hướng.
- Tính chung 8 tháng năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 374,84 tỷ USD, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 74,47 tỷ USD, tăng 7,4%, chiếm 19,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực FDI (kể cả dầu thô) đạt 300,37 tỷ USD, tăng 26,9%, chiếm 80,1%.
- Tính chung 8 tháng năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 395,3 tỷ USD, tăng 35,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 105,07 tỷ USD, tăng 23,7%; khu vực FDI đạt 290,23 tỷ USD, tăng 40,1%.
- Với kết quả trên, cán cân thương mại hàng hóa 8 tháng năm 2026 nhập siêu 20,46 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 14,02 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 30,6 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 10,14 tỷ USD. Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2026, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 122,0 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 161,9 tỷ USD.

Tổng quan tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam tháng 8/2026

	Tháng này (Tỷ USD)	% sv tháng trước	% sv cùng kỳ	Lũy kế từ đầu năm (Tỷ USD)	% svck
Tổng XNK	109,70	-0,1%	31,7%	770,14	28,7%
Xuất khẩu	54,79	3,2%	26,0%	374,84	22,4%
Nội địa	10,50	2,2%	14,1%	74,47	7,4%
FDI	44,29	3,4%	29,2%	300,37	26,9%
Nhập khẩu	54,91	-3,1%	37,9%	395,30	35,3%
Nội địa	12,82	-7,1%	19,7%	105,07	24,1%
FDI	42,09	-1,8%	44,6%	290,23	40,1%
CCTM	-0,12			-20,46	

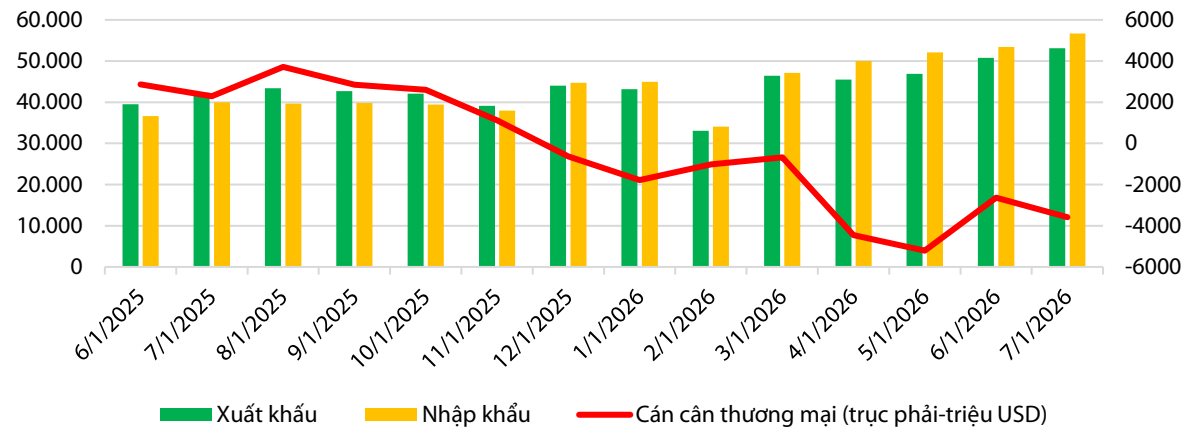
Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

Thị trường xuất, nhập khẩu hàng hoá chủ yếu 8 tháng năm 2026



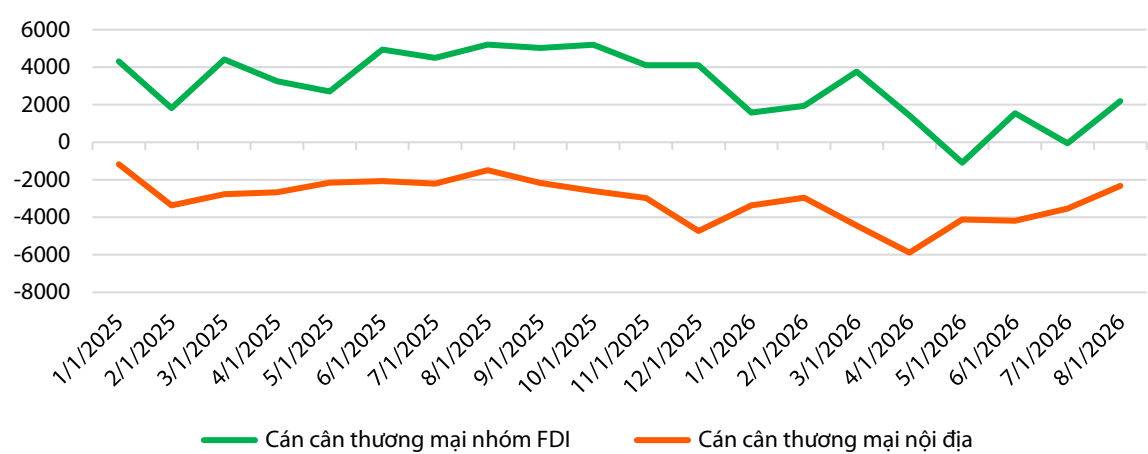
Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

Xuất,nhập khẩu và cán cân thương mại theo tháng (tỷ USD)



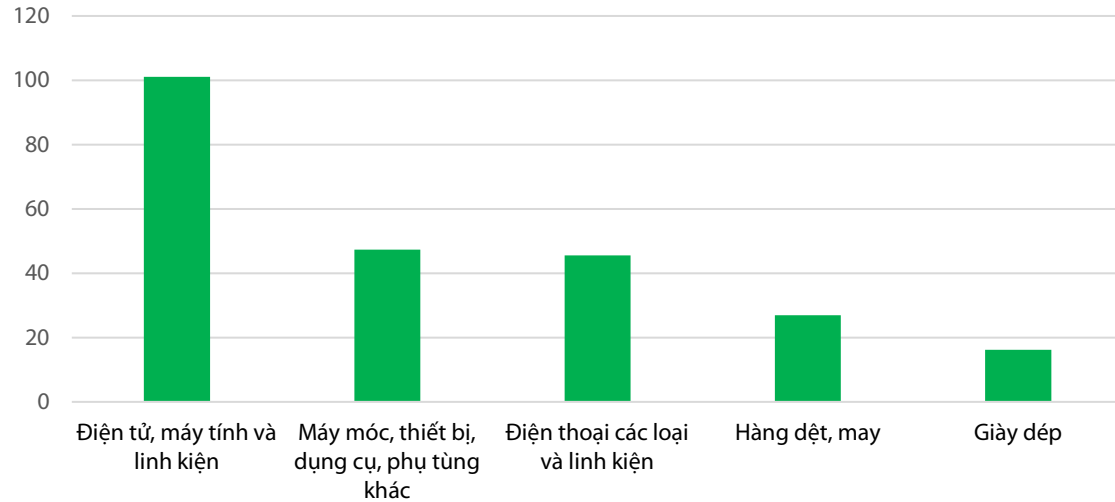
Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

Cán cân thương mại hàng tháng theo từng khu vực (triệu USD)



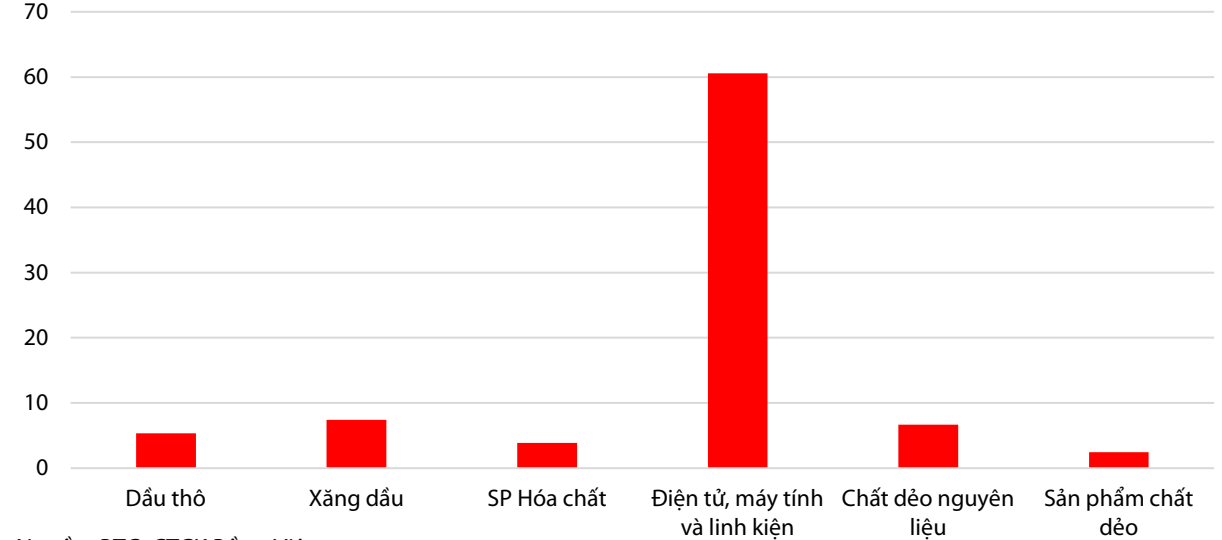
Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam qua 8T2026 (tỷ USD)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Các mặt hàng nhập siêu chủ yếu của Việt Nam qua 8T2026 (tỷ USD)

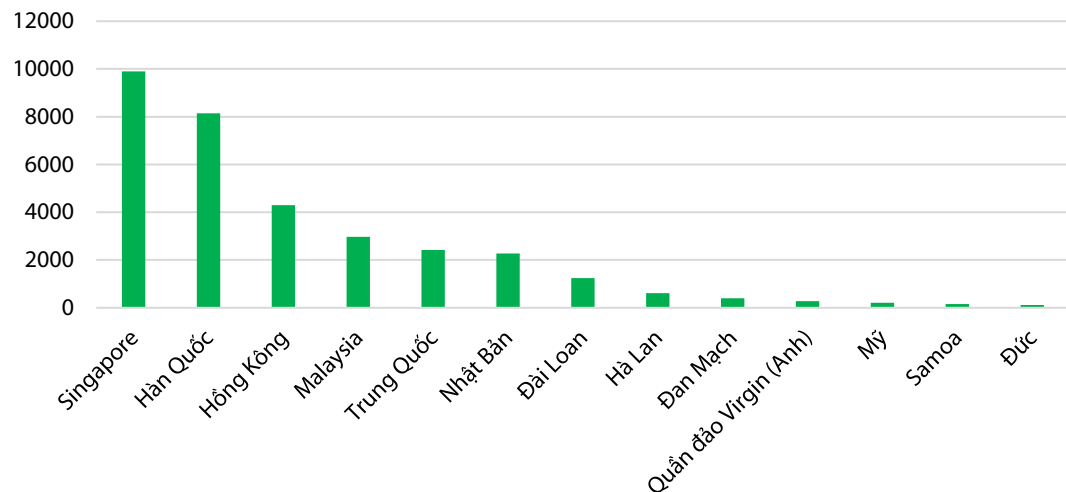


Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

- Phần lớn mức thâm hụt thương mại tập trung ở một số nhóm hàng công nghiệp và năng lượng. Điện tử, máy vi tính và linh kiện có mức nhập siêu khoảng 60,6 tỷ USD; tiếp đến là xăng dầu 7,4 tỷ USD, chất dẻo 6,7 tỷ USD, dầu thô 5,3 tỷ USD và các sản phẩm hóa chất khoảng 3,9 tỷ USD. Riêng nhóm điện tử, máy vi tính và linh kiện vừa là động lực lớn nhất của xuất khẩu, vừa là nhóm nhập siêu lớn nhất.
- Nhập siêu có thể tạo áp lực nhất định trong ngắn hạn đối với một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, xét về bản chất, phần lớn kim ngạch nhập khẩu hiện nay là nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và đầu tư, qua đó tạo nền tảng cho tăng trưởng sản xuất, xuất khẩu trong thời gian tới.
- Nếu đánh giá tổng thể cán cân thanh toán, ngoài cán cân thương mại chúng ta còn có các dòng vốn vào (inflow) quan trọng từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), dịch vụ và các dòng vốn khác và chính những dòng vốn này phần nào giảm thiểu tác động tiêu cực của hiện trạng nhập siêu.
- Trong 8 tháng, khu vực trong nước xuất khẩu 74,47 tỷ USD, tăng 7,4%, trong khi khu vực FDI xuất khẩu 300,37 tỷ USD, tăng 26,9%. Khu vực trong nước nhập siêu tới 30,6 tỷ USD, còn khu vực FDI vẫn xuất siêu 10,14 tỷ USD. Điều này cho thấy nhập siêu không chỉ là câu chuyện của cán cân thương mại mà còn phản ánh hạn chế về năng lực sản xuất và xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam.

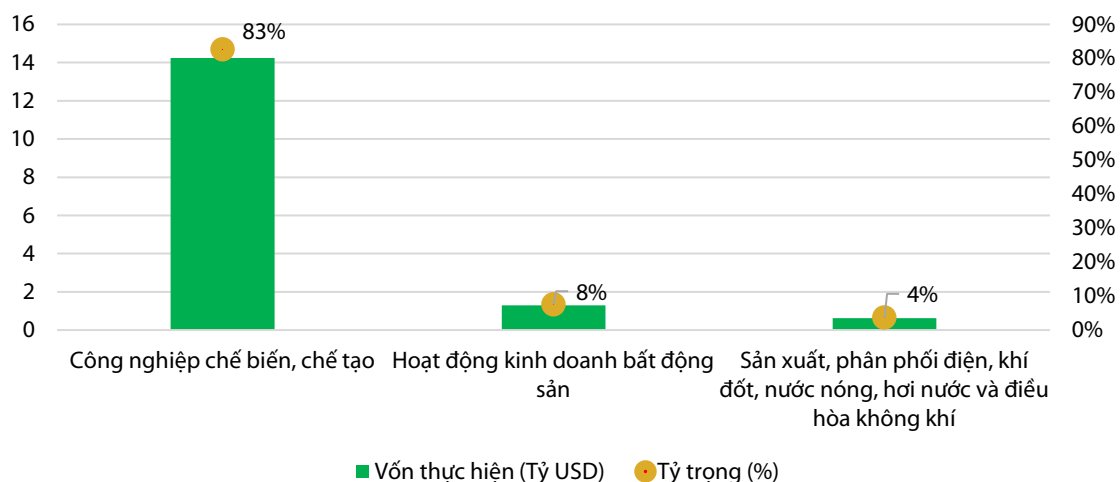
- Tính đến hết tháng 8/2026, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam (bao gồm vốn cấp mới, vốn điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần) đạt 40,63 tỷ USD, tăng 55,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đạt 21,72 tỷ USD với 2.771 dự án được cấp phép. Đáng chú ý, số lượng dự án chỉ tăng 9,4%, nhưng quy mô vốn tăng mạnh 96,8% so với cùng kỳ, cho thấy quy mô trung bình của các dự án cấp mới đã gia tăng đáng kể.
- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là lĩnh vực thu hút vốn FDI nhiều nhất với 12,15 tỷ USD, chiếm 55,9% tổng vốn đăng ký mới. Tiếp đến là lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa với 3,13 tỷ USD, chiếm 14,4%.
- Trong số 73 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án cấp mới vào Việt Nam, Châu Á tiếp tục là khu vực dẫn đầu. Trong đó, Singapore tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu với 7,62 tỷ USD, chiếm trọn 35,1% tổng vốn đăng ký cấp mới. Hàn Quốc đứng vị trí thứ hai với 5,67 tỷ USD (26,1%). Tiếp đó là Đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) với 2,96 tỷ USD, Trung Quốc đại lục với 1,93 tỷ USD và Nhật Bản với 1,42 tỷ USD.
- Đặc biệt, vốn FDI thực hiện tại Việt Nam trong tám tháng ước đạt 17,25 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2025. Đây là con số giải ngân cao nhất của kỳ tám tháng trong suốt 5 năm qua. Trong số 17,25 tỷ USD đã được đưa vào nền kinh tế, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vị thế tuyệt đối với 14,24 tỷ USD (chiếm 82,6%), bỏ xa lĩnh vực đứng thứ hai là kinh doanh bất động sản (1,29 tỷ USD, chiếm 7,5%) và năng lượng (622,9 triệu USD, chiếm 3,6%).
- Sự đồng pha giữa giải ngân FDI và sản lượng (IIP): Đường xu hướng của vốn thực hiện FDI và IIP có sự tương quan và bám sát nhau xuyên suốt năm 2025 và 2026. Cả hai chỉ số cùng thiết lập đỉnh tăng trưởng ngắn hạn vào khoảng tháng 6 đến tháng 7/2026 trước khi điều chỉnh nhẹ trong tháng 8, minh chứng cho việc dòng vốn ngoại đã thẩm thấu và chuyển hóa thành năng lực sản xuất thực tế.
- Nguồn vốn FDI đến thời điểm hiện tại là điểm sáng vĩ mô rõ nét. Ngoài là động lực tăng trưởng thì nguồn lực FDI giải ngân còn là nguồn lực hỗ trợ cho ổn định tỷ giá trong giai đoạn vừa qua

Tổng vốn FDI đăng ký và cấp mới và điều chỉnh vào Việt Nam theo đối tác trong 8 tháng năm 2026 (triệu USD)



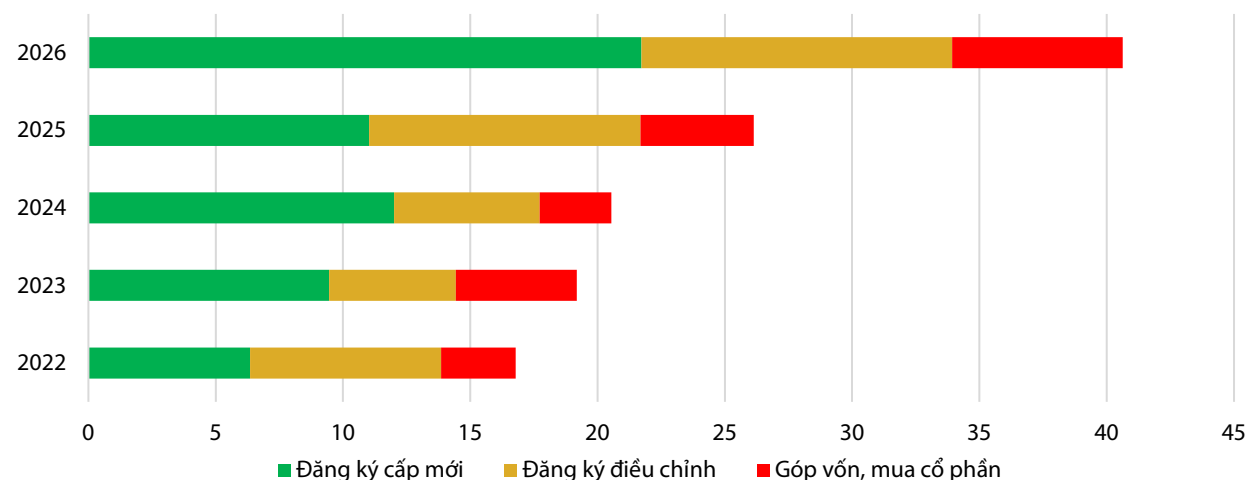
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Cơ cấu vốn FDI giải ngân theo ngành



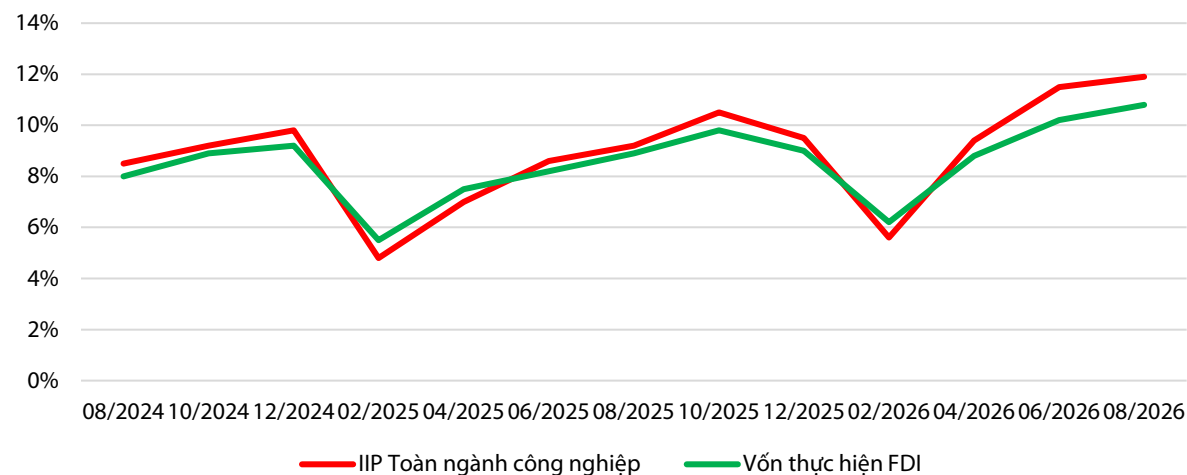
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Vốn FDI lũy kế 8 tháng trong giai đoạn 2022-2026 (tỷ USD)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Sự đồng pha giữa tỷ lệ vốn FDI thực hiện và chỉ số IIP



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Về Mỹ:

- Báo cáo Việc làm phi nông nghiệp: Đạt mức 159.075 nghìn người trong tháng 8, ghi nhận mức tăng +162.000 việc làm so với tháng 7. Con số này vượt xa mức dự báo là 56.000. Đáng chú ý nhất, dữ liệu tháng 6 và tháng 7 đã được điều chỉnh tăng tổng cộng 55.000 việc làm. Trong đó, tháng 7 chứng kiến sự đảo chiều ngoạn mục từ mức giảm (-23.000) sang mức tăng trưởng dương (+21.000). Đây chính là yếu tố cốt lõi khiến giới đầu tư "giật mình" nhiều hơn cả con số tăng trưởng thực tế của tháng 8.
- Khi thị trường lao động tiếp tục duy trì độ đàn hồi tốt, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) phần nào giải tỏa được áp lực về rủi ro suy thoái việc làm trong quá trình điều hành lãi suất. Báo cáo việc làm tháng 8 khép lại giai đoạn "mùa hè ít việc làm" của kinh tế Mỹ, đồng thời đặt trọng tâm chú ý của thị trường vào các số liệu lạm phát (CPI, PPI) sẽ công bố trong tuần tới — dữ liệu được xem là yếu tố quyết định cuối cùng cho quyết định lãi suất của Fed tại cuộc họp FOMC ngày 16/9.

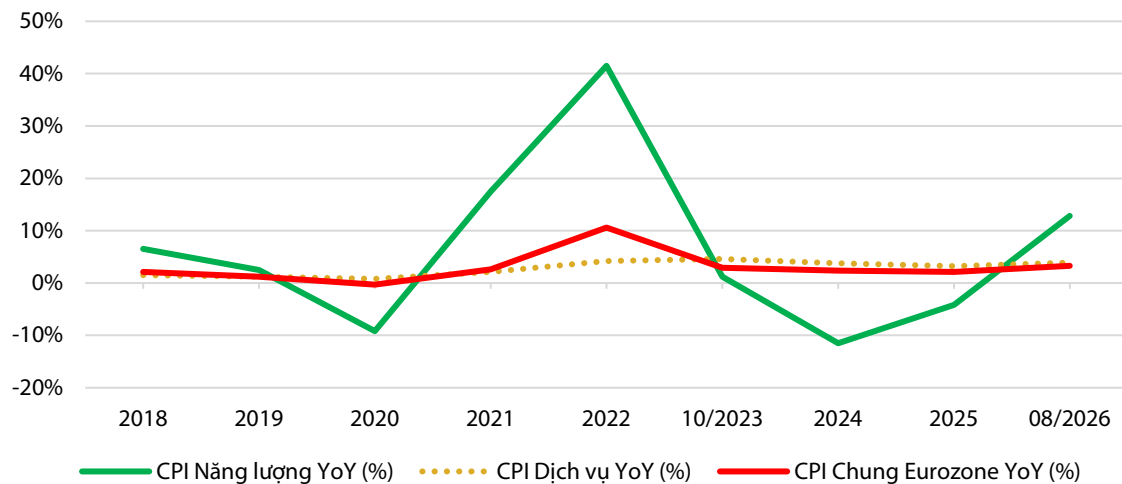
Về Trung Quốc:

- Ngày 9/9/2026, Trung Quốc công bố dữ liệu lạm phát tháng 8/2026 với những con số đáng chú ý: CPI tăng 0,8% YoY (tăng tốc so với mức 0,5% của tháng 7). PPI tăng 3,8% YoY (vượt dự báo 3,6% của thị trường và cao hơn mức 3,5% tháng trước). Đây là mức cao kể từ khi chỉ số này thoát khỏi vùng âm (-1,4%) hồi đầu năm nay. CPI tăng do giá dầu dẫn dắt khi giá năng lượng nói rộng đà tăng từ +0,6% lên +4,1% YoY. Giá lương thực - thực phẩm phục hồi mang đậm tính mùa vụ: Rau xanh tăng giá do thời tiết (nắng nóng, mưa nhiều gián đoạn nguồn cung); trứng gà tăng do đàn gà đẻ bước vào giai đoạn "nghỉ hè" giảm sản lượng.
- PPI tăng từ phía cung, không phải do cầu khởi sắc: Giá nguyên vật liệu đầu vào vừa công bố tăng mạnh trên diện rộng: Kim loại màu, nhiên liệu - động lực, hóa chất nguyên liệu. Ở đầu ra, đà tăng PPI được đóng góp bởi 7 ngành chính: Than (+26,6%), kim loại màu (+20,8%), chế biến dầu - than (+11,1%), khai thác dầu khí (+10,5%) và hóa chất cơ bản (+9,1%). Các nhóm này kéo PPI tăng khoảng 4,24 điểm %.
- Phần lớn mức tăng này đến từ chính sách "chống nội cuộn" của Bắc Kinh - chủ động cắt giảm công suất dư thừa (than, hóa chất, xi măng) để chặn cuộc đua giảm giá. Đây hoàn toàn là biện pháp can thiệp nguồn cung, chưa phải bằng chứng cho thấy cầu đầu tư hay tiêu dùng gia tăng. Kết hợp với các số liệu vĩ mô vừa qua (bán lẻ, đầu tư tài sản cố định, sản xuất công nghiệp suy yếu và tỷ lệ thất nghiệp tăng), có thể thấy khả năng hấp thụ của nền kinh tế Trung Quốc đang suy giảm trên diện rộng.

Về Châu Âu (Eurozone):

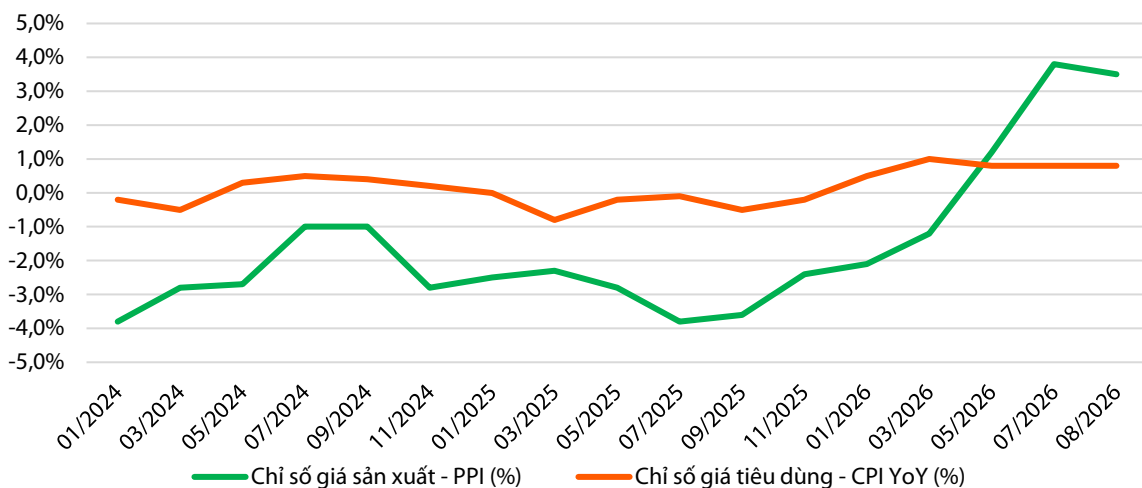
- Lạm phát Eurozone tháng 8 tăng lên 3,3% - cao nhất kể từ tháng 10/2023, năng lượng là tác nhân chính. Chỉ số giá tiêu dùng hài hòa (HICP) của Châu Âu kỳ tháng 8/2026 ghi nhận mức tăng 3,3% so với cùng kỳ và tăng 0,4% so với tháng trước. Về xu hướng, đà tăng lạm phát đang tăng tốc so với mức 2,9% của tháng trước và 2,8% trong tháng 6. Đây là tháng tăng tốc thứ hai liên tiếp và là mức cao nhất kể từ tháng 10/2023, vượt xa mục tiêu 2% của ECB.
- Đà tăng gần như đến hoàn toàn từ giá năng lượng. Năng lượng: Vọt lên 14,3% (từ 10,3% tháng 7) - mức cao nhất kể từ tháng 1/2023. Nguyên nhân chính do chiến sự Mỹ-Iran khiến eo biển Hormuz gần như đóng cửa, đẩy giá dầu khí thế giới tăng mạnh. Dịch vụ: Đi ngược chiều, giảm còn 3,0% (từ mức 3,3%) - chỉ số cho thấy áp lực giá nền chưa lan rộng ra các khu vực khác của nền kinh tế. Trong bối cảnh áp lực lạm phát còn hiện hữu, ECB đã tăng lãi suất một lần và tiếp tục nâng lãi suất tại cuộc họp chính sách ngày 10/9.

Lạm phát Eurozone vẫn dai dẳng



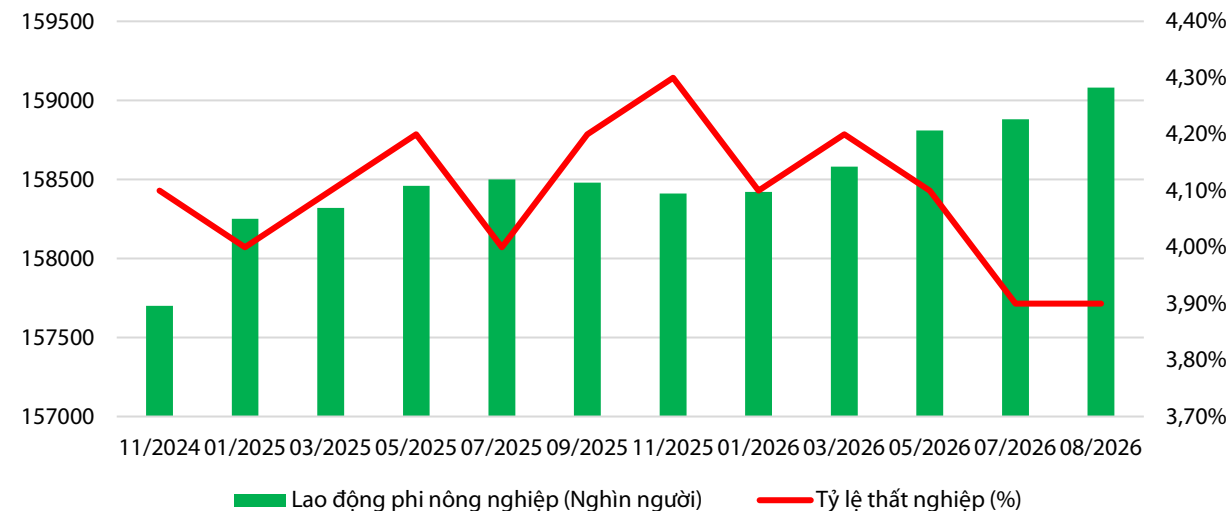
Nguồn: ECB, CTCK Rồng Việt

Chỉ số sản xuất tại Trung Quốc: cầu nội địa vẫn yếu



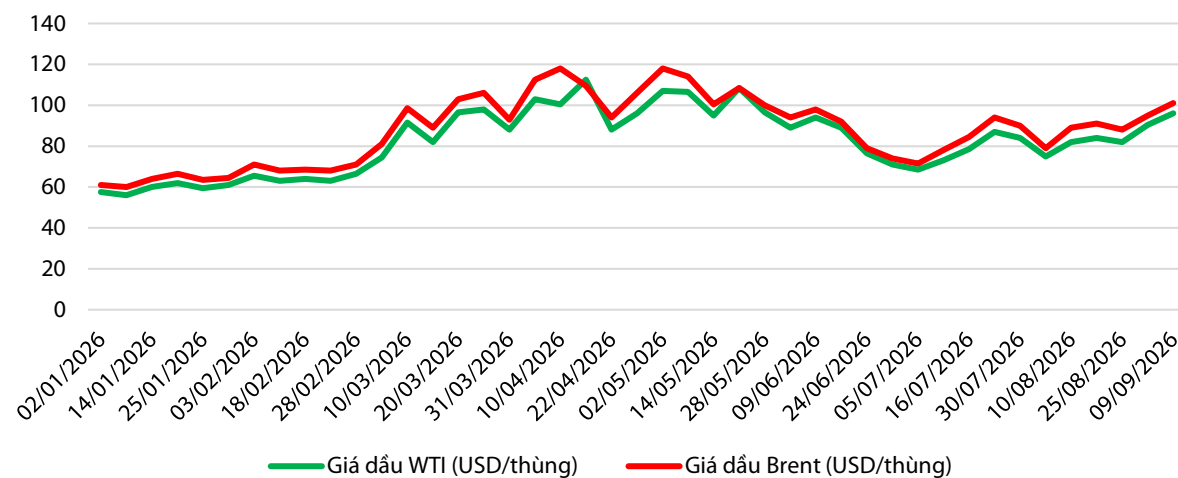
Nguồn: PBoC, CTCK Rồng Việt

Thị trường lao động Mỹ bứt phá mạnh mẽ



Nguồn: Fred, CTCK Rồng Việt

Diễn biến giá dầu từ đầu năm đến nay – duy trì ở vùng cao



Nguồn: MXV, CTCK Rồng Việt



Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities, 2026.**



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Nguyễn Thị Phương Lam – Giám đốc Trung tâm Phân tích

+84 28 6299 2006 Ext : 1313

lam.ntp@vdsc.com.vn

Đỗ Thạch Lam – Trưởng phòng Cao cấp

+84 28 6299 2006 Ext : 1524

lam.dt@vdsc.com.vn

Trần Thị Ngọc Hà – Trưởng phòng Vận hành

+84 28 6299 2006 Ext : 1526

ha.ttn@vdsc.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



Tầng 1 đến Tầng 8, Toà nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh



www.vdsc.com.vn



RONGVIET SECURITIES CORPORATION (VDSC)

**DỊCH VỤ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025**
GIẢI THƯỞNG GLOBAL BANKING & FINANCE